

An sinh xã hội ở Việt Nam sau 30 năm đổi mới

Nguyễn Văn Tuấn*

Tóm tắt: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau 30 năm đổi mới đất nước (1986 - 2016), Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách an sinh xã hội (ASXH) cho người dân. Những thành tựu đạt được trên tất cả các trụ cột cơ bản của ASXH (xóa đói, giảm nghèo; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giải quyết việc làm; chính sách người có công;...) đã góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Trong bài viết, tác giả đi sâu phân tích quan điểm của Đảng, Nhà nước, thành tựu, hạn chế, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách ASXH ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: An sinh xã hội; chính sách an sinh xã hội; đổi mới; kinh nghiệm; Việt Nam.

1. Mở đầu

Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình bảo đảm an sinh xã hội (ASXH) cho người dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Bài viết phân tích quan điểm của Đảng và Nhà nước về ASXH, thành tựu và hạn chế trong thực hiện ASXH ở Việt Nam trong 30 năm đổi mới.

2. Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về ASXH

Nhận thức được tầm quan trọng của ASXH đối với sự phát triển bền vững của đất nước, trong 30 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách ASXH ngày càng hiệu quả, phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Đại hội VI của Đảng (1986) xác định thực hiện chính sách ASXH vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển nhằm phát huy nguồn nhân lực cho quá trình đổi mới và tiến hành thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Việc thực hiện tốt chính sách ASXH sẽ là tiền đề quan trọng cho sự ổn định kinh tế, chính trị - xã hội, góp phần củng cố những thành quả trong đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, thường xuyên của nhân dân, tạo lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới [3].

Đại hội Đảng VII (1991) và Đại hội Đảng VIII (1996) khẳng định việc thực hiện tốt chính sách ASXH là vì con người và là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu đảm bảo ASXH phải thống nhất

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, ĐT: 0914800071. Email: nguyentuan.xhvn@gmail.com

với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đều nhằm phát huy sức mạnh nhân tố con người, phục vụ con người, đổi mới phải gắn với phát triển bền vững, nâng cao mọi mặt đời sống cho nhân dân.

Đại hội IX (2001) chủ trương: “Từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội” [3]. Đại hội X (2006) chủ trương: “Xây dựng hệ thống ASXH đa dạng; phát triển mạnh hệ thống BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), tiến tới BHYT toàn dân. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao... Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập” [3].

Đại hội XI (2011) nhấn mạnh: “Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo ASXH trong từng bước và từng chính sách phát triển” [2, XI (2011), tr.227].

Tại Đại hội XII, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Phạm Thị Hải Chuyền nhận định: bảo đảm an sinh xã hội là chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng trong quá trình lãnh đạo đất nước, là chính sách cơ bản để giảm nghèo, bảo đảm đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh [7].

Có thể thấy, việc xây dựng và phát triển hệ thống ASXH là quan điểm xuyên suốt trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Điều này đã khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của Đảng, Nhà nước với

tâm nhìn chiến lược nhằm phát triển bền vững cho đất nước, sinh kế lâu bền cho nhân dân. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để chính quyền các địa phương thực hiện triển khai, vận dụng sáng tạo trong thực hiện chính sách ASXH.

Trong giải quyết việc làm (GQVL) cho người lao động, Chính phủ và các bộ, ngành đã đề ra nhiều chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội có tác động trực tiếp đến việc tạo và GQVL cho người lao động như: Quyết định số 176/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức sắp xếp lại lao động trong khu vực nhà nước; Quyết định số 120/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Quỹ quốc gia GQVL; Quyết định số 327/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; Chương trình GQVL của các tổ chức đoàn thể; Nghị định số 370/HĐBT về Quy chế đưa lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; GQVL thông qua chương trình viện trợ nhân đạo của các nước; Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2012 về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, Chính phủ còn có nhiều quyết định về chính sách hỗ trợ đào tạo và đào tạo nghề cho từng đối tượng (đối với học sinh, sinh viên; đối với thanh niên; đối với phụ nữ), đặc biệt tập trung vào đối tượng ưu tiên ở vùng nông thôn, vùng miền núi.

Trong việc thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo: năm 1995, cả 53 tỉnh, thành phố trong cả nước đều có chương trình xóa đói, giảm nghèo. Trong đó 49 tỉnh, thành

phổ đã thành lập Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo ở cấp tỉnh, huyện, xã. Nhà nước đã chú trọng xây dựng các nguồn lực cho xóa đói, giảm nghèo. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000” với mục tiêu và nhiều giải pháp cụ thể. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa” (gọi tắt là Chương trình 135). Phong trào xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh với nhiều mô hình gia đình, thôn, bản, xã, huyện có hiệu quả đã được nhân rộng. Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược toàn diện về tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo”, qua đó khẳng định quyết tâm cao của Việt Nam gắn tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc. Tháng 7 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134). Năm 2006, “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010” được phê duyệt tiếp tục khẳng định quyết tâm của Việt Nam về xóa đói giảm nghèo và giảm nghèo bền vững. Tháng 5 năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP về “Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020” Tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015” với mục

tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư...

Trong việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công: năm 1998, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X ban hành Pháp lệnh số 08/1998/PL-UBTVQH10 sửa đổi điều 21 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Ngày 11 tháng 12 năm 1998, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Lệnh số 08/L-CTN công bố Pháp lệnh sửa đổi điều 21 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 19/2000/PL-UBTVQH10 (sửa đổi lần 2) điều 21 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng...

Trong lĩnh vực BHXH, BHYT năm 2007, Quốc hội ban hành Luật BHXH. Năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 100/102/NĐ-CP sửa đổi bổ sung chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật BHXH về bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra còn có các văn bản: Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện; Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 8 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng người thuộc hộ gia đình cần nghèo; Quyết định 538/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

thực hiện lộ trình BHYT toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và 2020.

Trong lĩnh vực trợ cấp, trợ giúp xã hội (trợ giúp đột xuất; trợ giúp thường xuyên): có nhiều chính sách, biện pháp cụ thể như; Pháp lệnh 27/2000/PL-UBTVQH ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão; Luật số 24/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Quốc hội; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về Chính sách bảo trợ xã hội; Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020; Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Có thể thấy, cùng với quá trình thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước luôn coi trọng việc thực hiện chính sách ASXH, nhằm bảo đảm và từng bước nâng cao cuộc sống cho người dân (nhất là người nghèo và yếu thế). Đây là biện pháp nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Những thành tựu chủ yếu trong việc thực hiện ASXH

Thứ nhất, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống ASXH toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả [1, tr.111]. Việt Nam đã hoạch định và triển khai nhiều chính sách xã hội quan trọng trong từng trụ cột trong việc thực

hiện ASXH cơ bản của ASXH, huy động được nhiều nguồn lực tham gia trợ giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội. Hệ thống chính sách ASXH được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương, nhiều ban chỉ đạo được thành lập (Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cấp)... Hệ thống chính sách ASXH được triển khai đồng bộ trên ba phương diện: khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng của các đối tượng; hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua quỹ tín dụng; phát triển kết cấu hạ tầng cho các địa phương phục vụ cho người dân tốt hơn.

Thứ hai, nhờ có các chính sách ASXH bao phủ rộng khắp nên các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được đi học tăng lên, tỷ lệ mù chữ giảm xuống. Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã phổ cập trung học cơ sở. Về cơ bản đã xóa được “xã trắng” về giáo dục mầm non. Các tỉnh và các huyện miền núi đã có trường nội trú, bán trú cho các học sinh dân tộc thiểu số và số học sinh, sinh viên học tại các trường đại học, cao đẳng tăng lên đáng kể nhờ chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên vay vốn.

Bên cạnh đó, hoạt động tham gia BHYT, BHXH ngày càng thu được hiệu quả cao. Năm 2014, cả nước có hơn 11 triệu người tham gia BHXH bắt buộc, 190 nghìn người tham gia bảo hiểm tự nguyện, hơn 9 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và hơn 61 triệu người tham gia BHYT [1, tr.112]. Đối tượng tham gia các loại hình bảo hiểm tăng nhanh là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của các cơ quan, tổ chức trong công tác tuyên truyền và vận động người dân tham gia.

Thứ ba, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội ngày càng nhiều. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để trợ cấp cho các đối tượng được thụ hưởng ngày càng tăng. Trong giai đoạn

2001 - 2010, vốn ngân sách nhà nước từ 113 tỉ đồng cho hơn 180 nghìn người tăng lên 4.500 tỉ đồng cho 1,6 triệu người [1, tr.111]. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Việt Nam đã mở rộng đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi của xã hội (người già, người cô đơn không nơi nương tựa...).

Thứ tư, thực hiện hiệu quả trụ cột cơ bản của chính sách ASXH đã tạo động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Bình quân mỗi năm Việt Nam tạo ra 1,5 - 1,6 triệu việc làm mới. Năm 2014, lao động trong khu vực chính thức đạt trên 30% và lao động đã qua đào tạo chiếm 49% tổng số lao động [1, tr.109]. Tỷ lệ thất nghiệp giữ ở mức 2,3%, tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm từ 5,4% (2001) xuống 3,4% (2014). Tỷ lệ thiếu việc làm cả nước giảm từ 5,1% (2008) xuống 2,35% (2014) [5]. Chất lượng việc làm, năng suất lao động, thu nhập bình quân đều tăng [4].

Bên cạnh đó, Việt Nam đã xây dựng và triển khai luật việc làm, khản trương xây dựng chương trình việc làm cho người lao động. Phân đầu đến năm 2020, tỉ lệ thất nghiệp chung xuống dưới 3%, tỉ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4%.

Thứ năm, thực hiện chính sách ASXH đã góp phần tích cực vào bình đẳng giới, bước đầu góp phần giảm tải ô nhiễm môi trường và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Vấn đề về nhà ở và nước sạch cũng được giải quyết tốt hơn nhờ chính sách ASXH. Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới thực hiện thành công bước đầu Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 2012 - 2015, ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở

miền núi, hải đảo, vùng ngập lũ, vùng bị nhiễm mặn, cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước không đảm bảo an toàn.

4. Hạn chế trong việc thực hiện ASXH

Bên cạnh thành tựu đạt được, việc thực hiện ASXH ở Việt Nam sau 30 năm đổi mới còn một số hạn chế.

Thứ nhất, đời sống của nhân dân vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù chính sách ASXH đã được đồng bộ thực hiện trong cả nước. Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý của từng vùng cũng như điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau nên đời sống của nhân dân vẫn còn gặp khó khăn, đặc biệt là nhân dân vùng sâu, vùng xa. Thu nhập bình quân của người lao động ở Việt Nam thuộc nhóm nước có thu nhập trung bình thấp. Thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi là khác nhau. Vấn đề đảm bảo vệ sinh nước sạch, vấn đề lương thực, thực phẩm chưa thực sự được quan tâm sâu rộng.

Thứ hai, trợ cấp xã hội chưa toàn diện, có biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực thi. Một số ban ngành, địa phương xuất hiện một bộ phận cán bộ làm công tác ASXH lợi dụng để sinh lợi, thiếu năng lực, trình độ, thủ tục hành chính giải quyết các vấn đề liên quan còn phức tạp, rắc rối gây khó khăn cho nhân dân.

Thứ ba, nguồn lực cho việc thực hiện ASXH, nhất là nguồn lực tài chính còn hạn hẹp đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Nguồn lực tài chính chủ yếu được cấp từ ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí từ tổ chức, đoàn thể, cá nhân, doanh nghiệp có tầm lòng hảo tâm chiếm một phần nhỏ. Vì thế, việc thực hiện ASXH chưa thực sự sâu rộng

trong nhân dân dẫn đến việc chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng trong xã hội nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực bổ sung để thực hiện các mục tiêu mà ASXH hướng tới. Hơn nữa, các nguồn lực này không được phân bố đồng đều giữa các khu vực nên vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

Thứ tư, nội dung và yêu cầu trong công tác tuyên truyền về chính sách ASXH chưa đầy đủ, kịp thời và rõ ràng đối với những đối tượng liên quan. Các văn bản hướng dẫn, thực thi nhiều khi không được công khai minh bạch và còn chông chéo nhau. Các thông tin về nhà ở cho người có thu nhập thấp chưa rõ ràng, cụ thể đến đối tượng có nhu cầu. Thông tin pháp luật về ASXH ở các vùng nông thôn, vùng núi còn nhiều hạn chế, cách tiếp cận chưa hiệu quả dẫn đến người dân chưa thực sự hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thực tế.

Thứ năm, chất lượng dịch vụ ASXH còn thấp so với một số nước trong khu vực và thế giới (chất lượng giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch chưa đảm bảo), các nguyên tắc của hệ thống ASXH, quyền an sinh, sự tương trợ giữa các cá nhân, nhóm xã hội, gắn trách nhiệm và quyền lợi... chưa được nhận thức một cách đầy đủ trong thực tiễn.

5. Khuyến nghị về việc tăng cường ASXH

Một là, thường xuyên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực thi chính sách ASXH.

Việc thực hiện chính sách ASXH được tiến hành đồng bộ và hiệu quả, đòi hỏi các cơ quan chức năng các cấp luôn phát huy

tính chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động bằng cách cụ thể hóa các chương trình hành động, chương trình mục tiêu và các kế hoạch thực hiện. Những kế hoạch, mục tiêu này là định hướng, bước đi cần thiết trong việc thực hiện các chính sách.

Mặt khác, Việt Nam cần chủ động phát huy, sử dụng các nguồn lực để thực hiện chính sách ASXH đồng bộ, hiệu quả. Nếu không có hoặc không đủ nguồn lực thì chính sách đó sẽ không thực hiện được cho dù chính sách đó có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Việc khai thác các nguồn lực bảo đảm ASXH từ nhân dân, từ các tổ chức quốc tế phi chính phủ và sự giúp đỡ của các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, Việt Nam cần phải chuẩn bị, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực từ trung ương đến địa phương.

Ngoài ra, việc thực hiện các chính sách ASXH cần phải khoa học. Cá nhân, tổ chức liên quan sẽ được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể theo từng chuyên môn nhất định. Việc thực hiện các chính sách ASXH sẽ thống nhất và có hiệu quả cao. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách ASXH là yếu tố rất quan trọng và cần thiết. Có như vậy, Việt Nam sẽ phát hiện ra những sai trái trong quản lý và thực thi chính sách ASXH, từ đó, đưa ra biện pháp để khắc phục những việc làm sai trái, góp phần đảm bảo công bằng và hiệu quả.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội và người dân tham gia thực hiện chính sách ASXH.

Công tác tuyên truyền, vận động nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của người dân là rất cần thiết. Vì vậy, các cơ quan chức

năng cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trong nhân dân nhằm tăng cường tinh thần tương thân, tương ái, tạo bầu không khí hiểu biết, sẵn sàng tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng và xã hội.

Thực tế cho thấy, các hình thức tuyên truyền, vận động cũng phải được đa dạng, phong phú và phù hợp với từng đối tượng tham gia thực hiện chính sách ASXH như thông qua tọa đàm, hội thảo, phát thanh, tuyên truyền trong khu phố, tổ dân cư, tổ chức các hội thi dưới dạng sân khấu hóa... Cụ thể như tuyên truyền, vận động để mọi người dân hiểu biết và tự nguyện tham gia BHXH, BHYT; vận động các tổ chức từ thiện quốc tế hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh khó khăn hòa nhập cộng đồng; vinh danh các cá nhân tích cực có đóng góp to lớn trong việc thực thi các chính sách ASXH.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, vận động phải được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện truyền thông. Việc làm đó được sự quan tâm, giúp đỡ của các tổ chức từ thiện trong nước và quốc tế. Cần vận động, tập hợp các tổ chức, cá nhân nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu an sinh xã hội.

Ba là, chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực ASXH, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là nhân tố quan trọng để chính sách ASXH tránh sự chông chéo, thiếu hiệu quả và không đồng bộ. Bởi vậy, Việt Nam cần đầu tư, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực ASXH cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường

mở các lớp tập huấn định kỳ hàng tháng; tổ chức hội thảo, tọa đàm nhằm trao đổi kinh nghiệm thực hiện chính sách ASXH ở các địa phương với nhau; mở khóa đào tạo ngắn và trung hạn liên quan đến chính sách và quá trình thực hiện ASXH. Mặt khác, các địa phương cần chủ động liên kết với cơ sở đào tạo uy tín, đúng chuyên ngành để xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực ASXH.

Bên cạnh đó, các địa phương cần đầu tư cơ sở làm việc cho cán bộ. Trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo sẽ giúp đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động toàn xã hội tích cực tham gia các chương trình, dự án. Các địa phương cần lập dự toán và đầu tư kinh phí phát triển cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống tư liệu, tài liệu tham khảo về ASXH và phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của đội ngũ cán bộ.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển kinh tế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với việc thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; phát triển kinh tế xã hội phải luôn đi cùng với bảo vệ và cải thiện môi trường... kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường”. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm ASXH là một chính sách nhất quán của Chính phủ Việt Nam”[6]. Vì vậy, phát triển kinh tế lớn sẽ có nguồn lực tài chính bảo đảm tính bền vững của chính sách ASXH. Việt Nam cần tập trung đẩy mạnh hội nhập sâu rộng, tăng cường hợp tác đầu tư phát triển kinh tế với

các nước, phát triển các đặc khu kinh tế, khu công nghiệp sẽ góp phần giải quyết việc làm, giảm tệ nạn xã hội và xóa đói giảm nghèo bền vững cho người dân. Đồng thời, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo sinh kế bền vững, ứng dụng khoa học - công nghệ trong quá trình sản xuất.

Năm là, học tập kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới. Với sự nỗ lực không ngừng trong thời gian qua, Việt Nam đạt được những thành tựu trong việc thực hiện chính sách ASXH cho người dân. Song, có thể thấy, muốn phát triển ASXH có hiệu quả, Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước khác trong khu vực và thế giới như Thụy Điển, Singapore, Ôxtrâylia, Nhật Bản... Đó là những quốc gia có nhiều thành công về xây dựng các mô hình thực hiện chính sách ASXH.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam tiếp thu, học hỏi những kinh nghiệm quản lý và tránh được những sai lầm mà các quốc gia khác đã trải qua. Đặc biệt, học tập kinh nghiệm của các nước về xây dựng hệ thống chỉ tiêu, theo dõi, đánh giá, giám sát. Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá sinh kế, rủi ro của các biện pháp thực hiện chính sách ASXH.

6. Kết luận

Thực hiện chính sách ASXH là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước trong 30 năm qua. Việc thực hiện tốt chính sách ASXH đã giúp cho đối tượng thụ hưởng được mở rộng, nâng mức hỗ trợ, thực hiện đồng bộ chính sách đối với người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ

trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo. Chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng [2]. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng nhanh. Chất lượng cuộc sống của nhân dân được đảm bảo, tăng cao. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá những kết quả đã thực hiện, tác giả đưa ra những kinh nghiệm tăng cường việc thực hiện chính sách ASXH cho người dân trong thời gian tới, từ đó, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chỉ đạo tổng kết - Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), X (2006), XI (2011), XII (2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/doc-2930201510252146.html>
- [4] <http://www.doisongphapluat.com/kinh-doanh/thu-nhap-binh-quan-dau-nguoi-cua-viet-nam-dang-thut-lui-a108315.html>
- [5] <http://gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>
- [6] <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/binh-luan-phe-phan/item/21351002-.html>
- [7] <http://www.vietnamplus.vn/dai-hoi-dang-thao-luan-ve-chat-luong-nhan-luc-va-an-sinh-xa-hoi/368042.vnp>

